TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 17/9/2026
"V/v : Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các thẩm phán: Ông Hoàng Anh Tuấn;

Bà Lê Thị Hồng Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2026/TLPT-HNGĐ ngày 29/6/2026 do có kháng cáo của bị đơn đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2026/HNGĐ-ST ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXX - HNGĐPT ngày 06/8/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1999.

Nơi thường trú: Xóm 9, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh.

(Có mặt tại phiên toà)

Bị đơn: Anh Nông Văn N, sinh năm 1995.

Nơi thường trú: Xóm 9, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

(Có mặt tại phiên toà)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Lưu Thị Kiều T1 và ông Hoàng Đức T2, Luật sư Công ty Luật TNHH K, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

(Bà T1 vắng mặt, ông T2 có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng T trình bày: Chị và anh Nông Văn N tự nguyện kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022 ngày 06/7/2022 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã C, huyện N2, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau và có 01 con chung là cháu Nông Anh K. Năm 2023, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ thời điểm đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Cùng năm, chị cùng cháu Khoa về sinh sống cùng ông, bà ngoại tại Hà Tĩnh. Năm 2024, chị cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, với mong muốn sang nước ngoài cùng làm ăn với nhau vợ chồng sẽ hàn gắn được tình cảm. Tuy nhiên, khi sang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, do tính chất công việc bận rộn, hai vợ chồng làm việc ở hai nơi khác nhau, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ít khi liên lạc, không còn quan tâm nhau kể cả đời sống vật chất lẫn tinh thần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng cách địa lý, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng chị không xây dựng được phương án để đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị vẫn đang lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, hiện nay chị cũng đã về nước và định cư ổn định cùng bố mẹ chị tại thôn V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, không đi xuất khẩu lao động nữa

Về con chung: Chị và anh Nông Văn N có một con chung là cháu Nông Anh K, sinh ngày 13/08/2021. Nay ly hôn, chị đề nghị Toà án giao cháu Khoa cho chị chăm sóc nuôi dưỡng. Bởi lẽ, cháu Khoa còn nhỏ, đang ở cùng chị và học tại trường mầm non C, bản thân chị cũng đã về nước và không đi xuất khẩu lao động nữa. Trong khi đó tại thời điểm hiện nay, anh N vẫn còn đang đi xuất khẩu lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 02/3/2026 giữa Tòa án và đại diện thân nhân của anh Nông Văn N là bà Nguyễn Huyền Hiệp (buổi làm việc anh N có trực tiếp gọi điện) và tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn anh Nông Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Hồng T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn. Tháng 12/2023 anh sang Đài Loan làm việc, đến tháng 4/2024 chị T cũng sang Đài Loan làm việc. Vợ chồng vẫn chung sống với nhau vui vẻ, hạnh phúc. Đến ngày 25/11/2025 chị T tự ý chuyển đồ ra ngoài để ở không nói gì với anh, vợ chồng cũng chưa có mâu thuẫn gì đáng kể. Tuy nhiên, chị T cương quyết ly hôn thì anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nông Anh K, sinh ngày 13/8/2021. Đến tháng 12/2026 anh hết thời hạn hợp đồng bên nước ngoài

anh sẽ trở về Việt Nam, sẽ có điều kiện để trực tiếp nuôi cháu Khoa. Hiện nay, cháu Khoa đang đi học tại Trường mầm non C, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng từ nhỏ cháu vẫn sống cùng ông bà nội và mới chuyển vào ở cùng ông bà ngoại từ tháng 4/2024 đến nay. Nay Toà án cấp sơ thẩm giao cháu Khoa cho chị T nuôi, anh không nhất trí và kháng cáo đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nếu anh được nuôi cháu Khoa.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, nếu không thoả thuận được thì anh sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị C trình bày: Con gái ông bà là chị Trần Thị Hồng T có đăng ký kết hôn với anh Nông Văn N tại UBND xã C, huyện N2, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh) và có 01 con chung là cháu Nông Anh K, sinh ngày 13/8/2021. Hiện nay chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cháu Khoa ở với vợ chồng ông bà được vợ chồng ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ, chị T thường xuyên gọi điện và gửi tiền về để ông bà chăm sóc nuôi dưỡng cháu K. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn giữa chị T và anh N, giao con chung là cháu Khoa cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng thì vợ chồng ông bà đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khoa cho đến khi chị T về nước.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2026/HNGĐ-ST ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng Điều 28; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58, 81, 82, 83, 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng T đối với anh Nông Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng T được ly hôn với anh Nông Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Anh K, sinh ngày 13/8/2021 cho chị Trần Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, giao cháu Nông Anh K cho Trần Văn D và bà Nguyễn Thị C là bố mẹ đẻ của chị T trực tiếp chăm sóc cho đến khi chị T về nước. Anh Nông Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh N do chị T không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên

không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2026 bị đơn anh Nông Văn N kháng cáo về phần con chung, xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn không nhất trí kháng cáo, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm: Cháu Nông Anh K từ khi sinh ra cho đến nay đều ở với ông bà nội, cháu Khoa được đảm bảo ăn uống, sinh hoạt hàng ngày, cháu có nơi đăng ký thường trú và học tại trường mầm non P, tỉnh Thái Nguyên nên cần được tiếp tục ở Thái Nguyên để bảo đảm môi trường sống ổn định. Anh N có mức lương hàng tháng trên 25 triệu đồng; đến tháng 12 năm 2026, anh N hết hợp đồng lao động và sẽ trở về Viêt Nam sinh sống, còn chị T hiện chưa có công việc ổn định nên không đảm bảo nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nông Văn N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn N. Tuy nhiên, do chị T đã trở về Việt Nam sinh sống, đề nghị sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2026/HNGĐ-ST ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên theo hướng giao cháu Nông Anh K cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về án phí dân sự phúc thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn xác định có 01 con chung là cháu Nông Anh K, sinh ngày 13/8/2021; cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận đã quay trở về Việt Nam sinh sống ổn định ở nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Cháu K đã được chị đón về sinh sống và học tập từ năm 2023 cho đến nay tại trường Mầm non C, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình giải quyết phúc thẩm và tại phiên tòa, bị đơn xác định hiện nay vẫn đang lao động tại Đài Loan và tháng 12/2026 hết hợp đồng lao động, anh sẽ trở về Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân gia đình, cha mẹ phải là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Thời điểm hiện nay, chị T đang ở Việt Nam, còn anh N đang lao động ở nước ngoài. Cháu Khoa mới được 05 tuổi rất cần có sự chăm sóc của người mẹ và hiện cháu đang ở cùng mẹ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử giao cháu Khoa cho nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Khoa đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Khoa. Nay bị đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là không có căn cứ, cần bác kháng cáo của bị đơn, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, mới đảm bảo lợi ích của con chung.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đang lao động tại Đài Loan, nên Toà án cấp sơ thẩm giao cháu Nông Anh K cho bố mẹ đẻ của chị T trực tiếp chăm sóc cho đến khi chị T về nước là đúng quy định. Tuy nhiên, đến nay chị T đã về nước, cần sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Khoa cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thấy có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Xét quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên anh Nông Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nông Văn N.

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2026/HNGĐ-ST ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Anh K, sinh ngày 13/8/2021 cho chị Trần Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Nông Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh Nông Văn N do chị Trần Thị Hồng T không yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Nông Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002672 ngày 17/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 3 – Thái Nguyên;
- THADS khu vực 3 – Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa HN&GĐ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Khánh Phương